

Bản án số: 50/2020/HSST
Ngày: 30-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn C

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh T

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê HA – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị L - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST – HS ngày 17 tháng 2 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân L, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 26/7T ấp M, xã T, huyện H, Tp. H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim L; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/10/2019 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Công D, sinh năm: 1998 tại Thành phố H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 17/1F ấp Đ, xã B, huyện H, Tp. H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công D và bà Vũ Thị Q; tiền án: Ngày 30/8/2018 bị Tòa án nhân dân Quận K, Tp. H xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2019; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2019 đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Lập S, sinh năm: 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp V, xã T, huyện H, Tp. H. Nơi cư trú hiện nay: 46/3B ấp M, xã T, huyện H, Tp. H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Bích T; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2019 đến nay; có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

** Người bị hại:*

1. Vũ Ngọc B, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: G86D ấp H, xã B, huyện H, Tp. H, vắng mặt.
2. Ông Đinh Quang V, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: 51/29E tổ 14, ấp 3, xã X, huyện H, Tp. H, vắng mặt.
3. Bà Trần Thị A, sinh năm: 1982. nơi cư trú: 26/10B ấp M, xã T, huyện H, Tp. H, vắng mặt.
4. Ông Huỳnh Tuấn K, sinh năm: 1989. nơi cư trú: 134D đường T 17, khu phố 4, phường T, Quận K, Tp. H, vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Toàn T. Nơi cư trú: 498/46 L, Phường P, Quận K, Tp. H, vắng mặt.
2. Công ty TNHH N. Địa chỉ: Lô A6D Khu công nghiệp H, huyện N, Tp. H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương V, chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn Ng, chức vụ: Quản đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 ngày 28/10/2019 Nguyễn Công D gặp và rủ Nguyễn Xuân L đi trộm cắp tài sản, L đồng ý. Sau đó cả hai mượn xe máy của bạn tên A, D điều khiển xe chở L lưu thông trên nhiều tuyến đường, khi đến trước nhà số 65/11E ấp H, xã B thì L phát hiện xe máy hiệu Wave Alpha biển số 63B5-447.69 không người trông giữ nên kêu D quay lại lấy xe, D ngồi sẵn trên xe cạnh giới, còn L vào trong lén lút đẩy xe khoảng 5 mét rồi lấy đoạn mở khóa định tẩu thoát thì bị lực lượng tuần tra bắt quả tang, riêng D tẩu thoát (BL 114-145). Sau đó D đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Qua điều tra D, L khai nhận đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 20 giờ 00 ngày 26/10/2019, Danh chở Lộc đi chơi về, khi đến số 62/3 ấp M, xã T, huyện H thì cả hai cùng trộm cắp xe máy hiệu Wave Alpha biển số 51U2-9995 của chị Vũ Bích N. Sau đó L bán xe cho người không rõ lai lịch tại Quận K, Tp. H được 4.000.000 đồng, chia cho D 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 7 giờ 00 ngày 27/10/2019 D chở L đi chơi, khi đến khu vực chợ tự phát thuộc ấp B, xã B, huyện H thì cả hai cùng trộm cắp xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Z1-065.39 của anh Đinh Vĩnh Q.

Vụ thứ 3: Khoảng 19 giờ 00 ngày 27/10/2019 D chở L trên xe máy vừa trộm được buổi sáng để đi trộm cắp tài sản, khi đến số 26/10 ấp M, xã T, huyện H thì cả hai cùng trộm cắp xe máy hiệu Vision biển số 50Y1-144.11 của chị Trần Thị A.

Sau khi lấy trộm được xe, L điện thoại cho Nguyễn Lập S nói có xe Vision trộm cắp được, không có giấy tờ nhờ S bán dùm, sau khi S nhận lời thì L và D đem xe

Vision đến nhà S tại ấp M, xã T, huyện H. Tại đây, S đẩy chiếc xe vào lùm cây trước nhà để tránh phát hiện. Một lúc sau, có hai thanh niên đến mua xe đưa tiền cho S và S đưa tiền lại cho L 9.000.000 đồng, L cho S 1.000.000 đồng, chia cho D 4.000.000 đồng. Sau đó L và D tiếp tục đem xe Yamaha Sirius biển số 59Z1-065.39 đến nhà S để S bán, sau đó S bán được 2.500.000 đồng, D đến nhà S lấy tiền và được chia 500.000 đồng, còn D được 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra D, L khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (BL: 155-200). Đối với bị can S chỉ thừa nhận có nhận giữ xe dùm L, biết rõ xe do trộm cắp mà có, không thừa nhận đã bán xe, S được L chia 1.500.000 đồng là do giữ dùm xe mà có (BL 202-206).

Kết quả của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 63B5-447.62 15.000.000 đồng, 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Z1-065.39 trị giá 6.000.000 đồng, 01 xe Vison biển số 50Y1 - 144.11 trị giá 21.000.000 đồng, tổng trị giá 48.000.000 đồng (BL 117-118).

Ngoài ra chị Trần Thị A chủ xe máy Vision khai trong cốp xe có giấy tờ xe và 8.000.000 đồng tiền mặt, tuy nhiên các bị can khai không ai mở cốp xe, không biết có giấy tờ xe và số tiền này, lời khai các bị can phù hợp với nhau, ngoài lời khai bị hại không có căn cứ chứng minh các bị can chiếm đoạt số tiền này.

Dân sự: Bị hại Huỳnh Tuấn K đã nhận lại xe không yêu cầu, bị hại Vũ Ngọc B không yêu cầu, bị hại Đinh Vinh Q yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng, bị hại Trần Thị A yêu cầu bồi thường 35.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 04 thanh kim loại các loại, 01 bình xịt hơi cay, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số tiền 5.860.0000 đồng (cơ quan điều tra đang tạm giữ).

Bản Cáo trạng số 37/CTr-VKS ngày 13/2/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc M để xét xử Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, truy tố Nguyễn Lập S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D đã nhận phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Lập S đã nhận phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu thể hiện tại hồ sơ vụ án, hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi của bị cáo Nguyễn Lập S có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên phạt bị cáo Nguyễn Xuân L mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù; bị cáo Nguyễn Công D mức án tù 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Lập S mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan điều tra huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D đã thừa nhận bản thân có mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài nên vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/10/2019 bị cáo D rủ bị cáo L đi tìm tài sản để trộm cắp thì L đồng ý. Sau đó cả hai mượn xe máy của bạn tên A lưu thông trên nhiều tuyến đường, đến trước nhà số 65/11E ấp H, xã B, huyện H thì L phát hiện xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển số 63B5-447.62 do Huỳnh Tuấn K là chủ sở hữu không người trông giữ nên L kêu D lấy xe, D ngồi trên xe cảnh giới, L vào trong lén lút lấy trộm xe đẩy được khoảng 5 mét thì dùng đoạn mở khóa xe định tẩu thoát thì bị lực lượng tuần tra bắt quả tang.

Ngoài ra bị cáo L, D thừa nhận đã trộm cắp nhiều vụ khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Lúc 8 giờ 00 ngày 26/10/2019, L và D trộm cắp 01 xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển số 51U2-9995 tại số 62/3 ấp M, xã T, huyện H, sau đó bán xe được 4.000.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ hai: Lúc 7 giờ 00 ngày 27/10/2019, L và D trộm cắp 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Z1-065.39 tại khu vực chợ tự phát ấp B, xã B, huyện H, sau khi trộm xe cả hai mang xe đến cho Nguyễn Lập S nhờ bán dùm được số tiền 2.500.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ ba: Lúc 19 giờ 00 ngày 27/10/2019 ngày 27/10/2019, L và D trộm cắp 01 xe gắn máy hiệu Vision biển số 50Y1-144.11 tại số 26/10 ấp Mới 1, xã Tân Xuân, huyện H, sau khi trộm xe cả hai mang xe nhờ Nguyễn Lập S bán dùm được số tiền 9.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Lập S biết rõ 02 chiếc xe do bị cáo L và bị cáo D trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho việc tiêu thụ (bán) 02 xe gắn máy biển số 59Z1-065.39 và 50Y1-144.11 để có tiền tiêu xài. Số tiền bị cáo Nguyễn Lập S thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng đã nộp lại tại cơ quan điều tra.

Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Lập S có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Các bị cáo biết hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất liều lĩnh và xem thường pháp luật nhà nước, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho người dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình an ninh trật tự tại địa phương, tạo ra dư luận xấu trong nhân dân nên bị cáo phải chịu hình phạt trước pháp luật.

Với các tình tiết nêu trên xét thấy cần thiết có một mức hình phạt thật nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình, quyết định hình phạt nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng đồng thời mang tính giáo dục, cải tạo bị cáo trở về làm người lương thiện sau này, sống có ích cho gia đình và xã hội.

- Xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Xuân L: Ngày 16/5/2016 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân Quận K, Tp. H ra Quyết định số 163/QĐ đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 18 tháng, chấp hành xong ngày 01/7/1017.

Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

- Xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Công D: Có 01 tiền án: Ngày 30/8/2018 bị Tòa án nhân dân Quận K, Tp. H xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tình tiết tăng nặng: Tái phạm, phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Lập S: Ngày 10/4/2008 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/9/2008 bị Tòa án nhân dân Quận K, Tp. H xử phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tù. Ngày 16/01/2009 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù, chấp hành hình phạt tù xong ngày 21/01/2013, đã xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 04 thanh kim loại, 01 bình xịt hơi cay xét cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân Lộc, bị cáo Lộc khai dùng điện thoại này làm phương tiện điện thoại cho bị cáo Nguyễn Lập Sơn để tiêu thụ tài sản trộm cắp nên xét cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền thu giữ 5.860.000 đồng, trong đó có số tiền 4.360.000 đồng là tiền bị cáo L, D bán xe có được, 1.500.000 đồng là tiền bán xe do bị cáo Nguyễn Lập S nộp lại. Các bị cáo đồng ý dùng số tiền này để bồi thường cho bị hại Trần Thị A.

Về dân sự: Bị hại Đinh Vinh Q yêu cầu bị cáo L, D bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo L, D đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị hại Trần Thị A yêu cầu các bị cáo L, D bồi thường số tiền 35.000.000 đồng. Tại Tòa bị cáo L, D, S đồng ý bồi thường trước số tiền 5.860.000 đồng (đã bị cơ quan điều tra thu giữ) cho bà A. Số tiền còn lại 29.140.000 đồng bị cáo L và D đồng ý bồi thường cho bà A khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo L, D còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2019.

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lập S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lập S 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2019.

Căn cứ Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đinh Vinh Q số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, cụ thể bị cáo Lộc bồi thường 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, bị cáo D bồi thường 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị A số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Cụ thể, bà Trần Thị A được nhận trước số tiền 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu mươi ngàn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, số tiền còn lại 29.140.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị A 14.570.000 (mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng, bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị A 14.570.000 (mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 04 thanh kim loại các loại, 01 bình xịt hơi cay.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS-HS ngày 13/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn).

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D, Nguyễn Lập S mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Công D mỗi bị cáo chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Đinh Vĩnh Q và chịu 728.500 (bảy trăm hai mươi tám ngàn năm trăm) đồng đối với nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị A.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ M

